

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST

Ngày: 29 - 3 - 2018

V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Đức.

Ông Cao Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 29/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2017/TLST-DS ngày 13/11/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 30, đường N, khu phố 2, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1971 và bà Hà Thị B, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố 1, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà A có mặt, ông T, bà B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: Trước đây vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà A nhiều lần. Khi mua bán và giao nhận hàng có lập sổ sách ghi chép đầy đủ giữa hai bên. Đến ngày 03/7/2016 hai bên cộng chốt sổ và viết biên nhận nợ là 1.343.515.000đ đến nay chưa thanh toán. Số nợ này bà A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T và bà B thanh toán, nhưng vợ chồng ông T và bà B không thanh toán mà kéo dài đến nay. Nay bà A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T và bà B trả số tiền gốc còn nợ 1.343.515.000đ và yêu cầu tính lãi suất với mức 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 24/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu vợ chồng ông T

và bà B trả một lần trong thời gian sớm nhất. Ngoài ra bà A không yêu cầu gì thêm.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 106/TB-TLVA ngày 14/11/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 164/TB-TA ngày 14/11/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 192/TB-TA ngày 05/12/2017 đã tổng đạt hợp lệ cho vợ chồng ông T và bà B theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng ông T và bà B không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Do đó, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thể tiến hành được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim A làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với vợ chồng ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1971 và bà Hà Thị B, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khu phố 1, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho vợ chồng ông T và bà B theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng ông T và bà B không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 29/3/2018 đã tổng đạt hợp lệ cho vợ chồng ông T và bà B theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng ông T và bà B không có mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt vợ chồng ông T và bà B là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A đối với vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B xét thấy: Tại phiên tòa bà A yêu cầu vợ chồng ông T và bà B trả số tiền gốc còn nợ là 1.343.515.000đ và yêu cầu tính lãi suất với mức 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 24/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau: $1.343.515.000đ \times 0,75\%/tháng \times 7 \text{ tháng (tính tròn)} = 70.534.500 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi 1.414.049.500 đồng là hoàn toàn tự nguyện và có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sổ mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật có ký nhận nợ). Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A đối với vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B. Xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền gốc, lãi tổng cộng là 1.414.049.500 đồng (một tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi chín

ngàn năm trăm đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430 và 440 của Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B phải thực hiện nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A đối với vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B.

Xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền gốc, lãi tổng cộng 1.414.049.500 đồng (một tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu B hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B phải chịu 54.421.400 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi một ngàn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Nguyễn Thị Kim A 26.354.000 đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006589 ngày 13/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà A báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Hà Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

